

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27/8/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tài thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; Kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Thanh Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 12/05/2023
Ông Trần Hoài Nam	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 12/05/2023
Ông Nguyễn Quang Hiếu	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên	
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban
Ông Phạm Công Huy	Thành viên
Ông Phạm Thường Minh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Hiếu	Giám đốc
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Giám đốc
Ông Ninh Văn Quyết	Phó Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Quang Hiếu - Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

6. Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

8. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Hiếu *ml*
Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Ngày 26 tháng 02 năm 2024





Số : 060/2024/BCKT-PB.00517

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 02 năm 2024, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như đã trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục 7.5 Thông tin về hoạt động liên tục. Tại ngày 31/12/2023, Công ty đã báo cáo số lỗ lũy kế là 1.029.402.255.911 VND (tại ngày 01/01/2023 là 1.005.313.417.307 VND), tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 829.982.694.244 VND (tại ngày 01/01/2023 là 810.052.453.218 VND) và cũng tại ngày này khoản gốc vay quá hạn thanh toán là 599.904.446.357 VND (tại ngày 01/01/2023 là 451.799.997.260 VND), lãi vay quá hạn thanh toán là 380.149.211.266 VND (tại ngày 01/01/2023 là 323.391.112.726 VND). Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ kinh doanh. Công ty tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục với việc thu hồi công nợ phải thu từ các dự án đã hoàn thành, việc thực hiện các hợp đồng kinh tế đã và sẽ được ký kết và thực hiện trong những năm tiếp theo tạo dòng tiền để có thể thanh toán các khoản công nợ. Đồng thời, công ty đang tiếp tục xin cơ cấu lại khoản nợ vay của Ngân hàng. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu Báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được lập với giả định công ty tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến với Báo cáo tài chính đính kèm vào ngày 22/03/2023.



VŨ GIANG NAM

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5246-2021-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		590.649.784.821	221.001.335.824
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	59.600.181.079	38.340.009.768
1. Tiền	111		40.641.092.080	34.975.255.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.959.088.999	3.364.753.863
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.490.975.753	4.754.975.753
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.490.975.753	4.754.975.753
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		346.756.488.256	108.468.429.475
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	336.235.616.818	116.536.008.330
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	15.885.566.811	1.547.209.624
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	26.107.122.427	1.568.188.792
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(31.471.817.800)	(11.691.500.192)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	508.522.921
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	143.581.872.034	65.345.007.979
1. Hàng tồn kho	141		149.526.814.770	66.248.887.690
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.944.942.736)	(903.879.711)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		22.220.267.699	4.092.912.849
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.211.710.370	1.565.998.701
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.923.144.422	956.549.404
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	1.085.412.907	1.570.364.744
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		412.263.666.161	462.678.878.309
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		281.488.322.928	319.423.998.031
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	280.606.895.778	318.350.079.721
- Nguyên giá	222		1.274.983.498.609	1.284.278.976.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(994.376.602.831)	(965.928.896.302)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	881.427.150	1.073.918.310
- Nguyên giá	228		75.690.301.102	75.690.301.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.808.873.952)	(74.616.382.792)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.9	-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		18.877.488.398	18.877.488.398
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	18.877.488.398	18.877.488.398
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	2.590.131.500	2.590.131.500
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.590.131.500	2.590.131.500
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		109.307.723.335	121.787.260.380
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	109.307.723.335	121.787.260.380
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.002.913.450.982	683.680.214.133

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		1.434.870.192.190	1.091.548.116.737
I/ Nợ ngắn hạn	310		1.420.632.479.065	1.031.053.789.042
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	250.079.926.528	104.260.366.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.410.160.613	3.300.225.613
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	83.800.615	-
4. Phải trả người lao động	314		30.816.179	23.845.940
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	139.141.378.678	334.439.620.981
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	11.961.843.750	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	400.078.937.949	20.104.771.335
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	615.764.753.157	568.799.997.260
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		80.861.596	124.961.596
II/ Nợ dài hạn	330		14.237.713.125	60.494.327.695
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	14.074.260.000	20.226.425.473
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	-	40.104.449.097
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		163.453.125	163.453.125
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(431.956.741.208)	(407.867.902.604)
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	(431.906.664.448)	(407.817.825.844)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		594.897.870.000	594.897.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.597.721.463	2.597.721.463
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.029.402.255.911)	(1.005.313.417.307)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.005.313.417.307)	(889.833.251.725)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(24.088.838.604)	(115.480.165.582)
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(50.076.760)	(50.076.760)
1. Nguồn kinh phí	431		(50.076.760)	(50.076.760)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.002.913.450.982	683.680.214.133



Giám đốc

Nguyễn Quang Hiếu

Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Phụ trách kế toán

Trần Thị Minh

Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 02 - DN

Chi tiêu	Mã số	TM	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	993.546.059.154	314.816.476.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		993.546.059.154	314.816.476.967
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	934.541.390.067	356.853.257.045
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.004.669.087	(42.036.780.078)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.317.009.961	1.538.512.286
7. Chi phí tài chính	22	6.4	57.978.287.390	54.194.910.668
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.925.583.404	53.961.761.780
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	28.494.069.135	21.022.175.301
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.150.677.477)	(115.715.353.761)
11. Thu nhập khác	31	6.6	324.916.700	638.539.807
12. Chi phí khác	32	6.7	7.263.077.827	403.351.628
13. Lợi nhuận khác	40		(6.938.161.127)	235.188.179
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(24.088.838.604)	(115.480.165.582)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(24.088.838.604)	(115.480.165.582)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(405)	(1.941)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(405)	(1.941)



Giám đốc

Nguyễn Quang Hiếu

Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Phụ trách kế toán

Trần Thị Minh

Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 03 - DN

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(24.088.838.604)	(115.480.165.582)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	33.097.437.469	33.613.143.450
- Các khoản dự phòng	03	24.821.380.633	10.084.665.997
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.852.462.055)	(411.560.790)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	3.194.382.725	(887.759.778)
- Chi phí lãi vay	06	57.925.583.404	53.961.761.780
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	87.097.483.572	(19.119.914.923)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(257.531.142.284)	20.036.334.744
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(83.277.927.080)	(3.930.466.139)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	271.411.833.094	(13.008.316.554)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12.833.825.376	6.395.088.725
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(199.545.721)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(44.100.000)	(158.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.489.972.678	(9.984.819.868)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.101.495.704)	(19.944.688.398)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21.736.000.000)	(157.840.521)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.000.000.000	10.363.818.215
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.874.609.815	868.967.668
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.962.885.889)	(8.869.743.036)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	37.473.042.210	15.884.726.511
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.612.735.410)	(16.884.726.511)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.361.450)	(28.287.405)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.814.945.350	(1.028.287.405)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	21.342.032.139	(19.882.850.309)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.340.009.768	57.930.227.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(81.860.828)	292.632.928
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	59.600.181.079	38.340.009.768



Giám đốc

Nguyễn Quang Hiếu

Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Phụ trách kế toán

Trần Thị Minh

Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 27/8/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần mười là 594.897.870.000 đồng (Năm trăm chín tư tỷ, tám trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tài thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng; hoạt động kho bãi và các hoạt động hỗ trợ;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí, phụ tùng, phụ kiện, các loại hàng hóa liên quan đến ngành chế tạo các phương tiện nổi; Mua bán vật tư, thiết bị giao thông vận tải, phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động khoan, khai thác dầu khí; Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí, phụ tùng, phụ kiện, các loại hàng hóa liên quan đến ngành chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và chế tạo tàu thủy;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác dầu, khí đốt và tuyến ống dẫn khí, dầu; Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Dịch vụ thử không phá hủy, xử lý nhiệt mối hàn kim loại và các vật liệu bằng kim loại khác;
- Thiết kế xây dựng công trình biển – dầu khí; Thiết kế hệ thống điện và tự động công trình dầu khí; Thiết kế hệ thống và thiết bị trên tàu biển; Thiết kế cơ khí công trình công nghiệp, dân dụng; Thiết kế xây dựng công trình công nghiệp; Thiết kế lắp đặt thiết bị dầu khí; Thiết kế kết cấu các công trình giao thông đường thủy; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng; Thiết kế xây dựng công trình biển – dầu khí;
- Dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa;
- Kinh doanh nhiên liệu, xăng dầu, dầu mỡ bôi trơn và các sản phẩm dầu khí; Bán khí công nghiệp, khí dầu mỏ hóa lỏng;
- Kinh doanh hạ tầng cơ sở khu công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ chế tạo giàn khoan; Tổ chức, khai thác thực nghiệm năng lực các phương tiện nổi;
- Lập dự án, chế thử sản xuất, nghiên cứu khoa học – công nghệ, ứng dụng nghiên cứu khoa học – công nghệ và tiêu thụ các sản phẩm nghiên cứu, ứng dụng, sản phẩm giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

- khí và tàu thủy các phương tiện nổi; Lập dự án, chế thử sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và chế tạo tàu thủy;
- Sản xuất các loại vật liệu, thiết bị cơ khí, điện, điện lạnh, điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và chế tạo tàu thủy;
 - Chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật;
 - Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
 - Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác, Vận tải hành khách đường bộ khác;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
 - Vận tải hành khách đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
 - Đại lý cung ứng, lai dắt, sửa chữa tàu biển, giàn khoan và giàn khoan khai thác dầu khí; Nạo vét luồng lạch; Dịch vụ cảng, bến cảng;
 - Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển, nâng hạ, cầu các loại;
 - Cho thuê lại lao động;
 - Vệ sinh tàu biển, giàn khoan và giàn khoan khai thác dầu khí;
 - Đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi, thiết bị và phương tiện mới;
 - Lắp ráp, phục hồi, sửa chữa thiết bị giao thông vận tải, phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động khoan, khai thác dầu khí;
 - Lắp ráp, phục hồi, sửa chữa và mua bán vật tư, thiết bị giao thông vận tải; Thị công công trình thủy;
 - Hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp, cầu cảng; Xây lắp, chế tạo các công trình dầu khí;
 - Phá dỡ giàn khoan, giàn khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi;
 - San lấp, tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng.

1.4. Nhân viên

Số nhân viên tại ngày 31/12/2023 là 340 người (tại ngày 01/01/2023 là 361 người).

1.5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.6. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng mua đang đi đường, Công cụ dụng cụ và Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	02 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10
Tài sản cố định vô hình	03 - 10

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản nào trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê mặt bằng là 47 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	628.487.434	1.100.992.307
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.012.604.646	33.874.263.598
Các khoản tương đương tiền (i)	18.959.088.999	3.364.753.863
Cộng	59.600.181.079	38.340.009.768

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng thương mại và được hưởng lãi suất 2,9%/năm đến 4,75%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	18.490.975.753	18.490.975.753	4.754.975.753	4.754.975.753
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	18.490.975.753	18.490.975.753	4.754.975.753	4.754.975.753
Dài hạn	2.590.131.500	2.590.131.500	2.590.131.500	2.590.131.500
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	2.590.131.500	2.590.131.500	2.590.131.500	2.590.131.500
Cộng	21.081.107.253	21.081.107.253	7.345.107.253	7.345.107.253

(i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 4,3%/năm đến 7,1%/năm.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Vũng Tàu, lãi suất từ 5,5%/năm đến 8,00%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	140.454.139.521	-	34.280.737.823	-
Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	111.741.036.524	-	4.059.710.426	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	20.638.060.982	-	14.281.671.014	-
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	8.075.042.015	-	9.191.991.429	-
Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	-	-	6.747.364.954	-
Các bên khác	195.781.477.297	(31.099.578.902)	82.255.270.507	(11.330.391.294)
Shinfox Far East Company Pte Ltd	106.070.964.973	-	-	-
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xây Dựng AMECC	58.422.532.649	(27.810.497.018)	58.422.532.649	(10.011.698.467)
Kanfa As	10.667.107.677	-	-	-
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Hàng Hải Thiên Nam	3.762.152.214	-	2.296.314.204	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	3.321.721.899	-	4.169.803.115	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	13.536.997.885	(3.289.081.884)	17.366.620.539	(1.318.692.827)
Cộng	336.235.616.818	(31.099.578.902)	116.536.008.330	(11.330.391.294)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Cty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Sao Biển	6.772.231.888	-	-	-
Công ty TNHH Công nghiệp Tây Nam	1.781.554.500	-	-	-
Karl International Pte Ltd	4.492.248.320	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Đồng Thành	1.486.000.000	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.353.532.103	(47.750.000)	1.547.209.624	(36.620.000)
Cộng	15.885.566.811	(47.750.000)	1.547.209.624	(36.620.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
Các bên khác	26.107.122.427	(324.488.898)	1.568.188.792	(324.488.898)
Ký quỹ, ký cược	24.063.875.798	-	374.413.347	-
Lãi dự thu Ngân hàng	736.650.733	-	199.416.628	-
Phải thu đội bảo vệ an ninh	448.522.921	-	-	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	355.186.900	-	651.598.275	-
Phải thu khác	502.886.075	(324.488.898)	342.760.542	(324.488.898)
Cộng	26.107.122.427	(324.488.898)	1.568.188.792	(324.488.898)

5.6 Nợ xấu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Strategic Marine (V)	1.223.196.942	-	1.223.196.942	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC	58.422.532.649	30.612.035.631	58.422.532.649	48.410.834.182
Công ty CP Phong điện la Pét Đăk Đoa Số một	4.532.173.010	2.561.783.953	4.532.173.010	4.532.173.010
Các đối tượng khác	467.734.783	-	474.354.783	17.750.000
Cộng	64.645.637.384	33.173.819.584	64.652.257.384	52.960.757.192

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.511.040.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	60.636.277.601	(5.944.942.736)	37.347.018.541	(903.879.711)
Công cụ, dụng cụ	33.084.255.491	-	1.846.859.288	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	53.295.241.678	-	27.055.009.861	-
Cộng	149.526.814.770	(5.944.942.736)	66.248.887.690	(903.879.711)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các dự án sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án nhiệt điện Long Phú	19.821.852.004	20.123.018.541
Dự án CHW2204	23.179.197.872	-
DV063 - Jacket Leg Rolling Orsted	5.740.294.685	-
Long Sơn (Package A1)	-	2.861.916.779
Các dự án khác	4.553.897.117	4.070.074.541
Cộng	53.295.241.678	27.055.009.861

5.8 Chi phí trả trước**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	876.634.366	54.280.075
Các khoản khác	335.076.004	1.511.718.626
Cộng	1.211.710.370	1.565.998.701

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền thuê đất (i)	101.691.387.451	104.772.944.647
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	970.375.955	228.514.262
Các khoản khác	6.645.959.929	16.785.801.471
Cộng	109.307.723.335	121.787.260.380

(i) Tiền thuê đất thể hiện tiền thuê mặt bằng tại căn cứ cảng PTSC thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với diện tích 39,8 ha theo Hợp đồng thuê số CN107001/HĐKT-PVSB ngày 06/12/2007 đã ký kết với Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình cho mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê được tính từ hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng đến hết ngày 31/12/2057.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản hình thành từ nguồn KPSN	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2023	741.478.279.483	117.341.493.949	397.182.122.393	9.628.684.059	3.850.699.617	14.797.696.522	1.284.278.976.023
Mua trong năm	-	3.738.792.000	-	34.000.000	-	328.703.704	4.101.495.704
Giảm khác	(13.396.973.118)	-	-	-	-	-	(13.396.973.118)
Số dư tại 31/12/2023	728.081.306.365	121.080.285.949	397.182.122.393	9.662.684.059	3.850.699.617	15.126.400.226	1.274.983.498.609
GIÁ TRỊ HAO MÒN							
Số dư tại 01/01/2023	549.051.128.998	106.834.719.045	289.613.705.694	9.579.153.641	3.850.699.617	6.999.489.307	965.928.896.302
Khấu hao trong năm	13.902.901.049	2.986.126.274	14.757.076.380	31.672.354	-	1.227.170.252	32.904.946.309
Giảm khác	(4.457.239.780)	-	-	-	-	-	(4.457.239.780)
Số dư tại 31/12/2023	558.496.790.267	109.820.845.319	304.370.782.074	9.610.825.995	3.850.699.617	8.226.659.559	994.376.602.831
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư tại 01/01/2023	192.427.150.485	10.506.774.904	107.568.416.699	49.530.418	-	7.798.207.215	318.350.079.721
Số dư tại 31/12/2023	169.584.516.098	11.259.440.630	92.811.340.319	51.858.064	-	6.899.740.667	280.606.895.778

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 209.158.855.338 VND, tại ngày 01/01/2023 là 196.055.779.981 VND.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2023 là 280.606.895.778 VND, tại ngày 01/01/2023 là 318.350.079.721 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2023	19.667.926.892	56.022.374.210	75.690.301.102
Số dư tại 31/12/2023	<u>19.667.926.892</u>	<u>56.022.374.210</u>	<u>75.690.301.102</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2023	18.594.008.582	56.022.374.210	74.616.382.792
Khấu hao trong năm	192.491.160		192.491.160
Số dư tại 31/12/2023	<u>18.786.499.742</u>	<u>56.022.374.210</u>	<u>74.808.873.952</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2023	1.073.918.310	-	1.073.918.310
Số dư tại 31/12/2023	<u>881.427.150</u>	<u>-</u>	<u>881.427.150</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 77.736.588.237 VND, tại ngày 01/01/2023 là 73.885.888.620 VND.

5.11 Chi phí cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Thi công cảng cho sà lan neo đậu, thi công nền bãi 15.000 m ²	18.877.488.398	18.877.488.398
Cộng	<u>18.877.488.398</u>	<u>18.877.488.398</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	2.093.664.020	2.093.664.020	6.174.666.690	6.174.666.690
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình	1.664.421.370	1.664.421.370	1.567.671.872	1.567.671.872
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	138.421.734	138.421.734	1.543.116.609	1.543.116.609
Liên doanh dầu khí Việt - Nga Vietsovetro	53.344.192	53.344.192	41.135.039	41.135.039
Công ty CP Bọc ống Dầu khí Việt Nam	213.176.724	213.176.724	2.812.366.173	2.812.366.173
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	24.300.000	24.300.000	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	-	-	210.376.997	210.376.997
Các bên khác	247.986.262.508	247.986.262.508	98.085.699.627	98.085.699.627
Công ty Cổ phần Liên kết Công nghệ Xây dựng Velocity Energy Pte Ltd	26.005.191.882	26.005.191.882	-	-
20.030.368.030	20.030.368.030	-	-	
Công ty Cổ phần Kỹ thuật HTC	16.170.838.787	16.170.838.787	7.806.696.493	7.806.696.493
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Liên Sơn	13.062.316.995	13.062.316.995	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Tín Phát	12.816.984.400	12.816.984.400	-	-
National Oilwell Varco, L.P.638	10.016.862.799	10.016.862.799	14.481.013.386	14.481.013.386
Công ty TNHH ĐT XD Cường Thịnh Phát	6.493.608.193	6.493.608.193	9.722.546.254	9.722.546.254
Phải trả cho các đối tượng khác	143.390.091.422	143.390.091.422	66.075.443.494	66.075.443.494
Cộng	250.079.926.528	250.079.926.528	104.260.366.317	104.260.366.317

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay	-	323.391.112.726
Chi phí các công trình và chi phí khác	139.141.378.678	11.048.508.255
Cộng	139.141.378.678	334.439.620.981

5.14 Doanh thu chưa thực hiện**5.14.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Doanh thu cho thuê bến, bãi	11.961.843.750	-
Cộng	11.961.843.750	-

5.14.2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Doanh thu cho thuê bến, bãi	14.074.260.000	20.226.425.473
Cộng	14.074.260.000	20.226.425.473

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	3.320.278.500	3.320.278.500	3.320.278.500	3.320.278.500
Liên doanh dầu khí Việt - Nga	1.080.650.000	1.080.650.000	1.080.650.000	1.080.650.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin	2.239.628.500	2.239.628.500	2.239.628.500	2.239.628.500
Các bên khác	396.758.659.449	396.758.659.449	16.784.492.835	16.784.492.835
Tài sản thừa chờ xử lý	8.639.400	8.639.400	8.639.400	8.639.400
Kinh phí công đoàn	221.683.192	221.683.192	341.632.869	341.632.869
Chi phí lãi vay phải trả	380.149.211.266	380.149.211.266	-	-
Phải trả về cổ tức	14.714.950.442	14.714.950.442	14.760.311.892	14.760.311.892
Phải trả khác	1.664.175.149	1.664.175.149	1.673.908.674	1.673.908.674
Cộng	400.078.937.949	400.078.937.949	20.104.771.335	20.104.771.335

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	6.872.998.894	6.872.998.894	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.007.851	209.605.603	208.597.752	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.777.026	-	-	-	41.777.026	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	83.800.615	1.370.880.739	1.699.976.270	245.294.916	-
Thuế tài nguyên	-	-	99.743.175	99.743.175	-	-
Các loại thuế khác	1.043.635.881	-	118.187.781	149.246.950	1.074.695.050	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	848.870.854	848.870.854	-	-
Cộng	1.085.412.907	83.800.615	9.311.689.294	9.880.441.746	1.570.364.744	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.17 Vay và nợ thuế tài chính**5.1.1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

31/12/2023	Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn	15.860.306.800	15.860.306.800	37.473.042.210	21.612.735.410
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu (i)	9.000.000.000	9.000.000.000	30.612.735.410	21.612.735.410
Phạm Trường Giang (ii)	6.860.306.800	6.860.306.800	6.860.306.800	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	599.904.446.357	599.904.446.357	40.104.449.097	9.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	599.904.446.357	599.904.446.357	40.104.449.097	9.000.000.000
Cộng	615.764.753.157	615.764.753.157	77.577.491.307	30.612.735.410
				568.799.997.260
				568.799.997.260

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****Mẫu số B 09 - DN**

(i) Hợp đồng cho vay Số 09/2023-HĐCVHM/NHCT880-PVSHIPYARD ngày 13/09/2023 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu và Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 23.678.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời gian: đến ngày 13/09/2024;
- Lãi suất: Theo thời điểm nhận nợ;

(ii) Hợp đồng cho vay số 17.5.23 ngày 17/05/2023, kỳ hạn 3 tháng với lãi suất 16%/ năm, hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

5.1.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	-	-	-	40.104.449.097	40.104.449.097	40.104.449.097
Cộng	-	-	-	40.104.449.097	40.104.449.097	40.104.449.097

(iii) Vay ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HĐTDUT/TCĐK-CNVN ngày 17/05/2011. Hạn mức cho vay là 641 tỷ VND; Mục đích cho vay: Thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí" giai đoạn 1. Thời hạn cho vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24/05/2011 đến ngày 24/5/2012 và gia hạn đến 24/11/2014 theo phụ lục số 01/11/2011/HĐTDUT/TCĐK-CNVN. TD Khoản vay này đã giải ngân hết trong năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TCDK.TD ngày 18/03/2011. Hạn mức cho vay 250 tỷ VND. Mục đích cho vay: Thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất cho vay bằng huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVcombank tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06/10/2022 và 14,2% đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06/10/2011. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVcombank đến ngày 06/04/2012.

Ngày 09/05/2013, Công ty và PVcomBank đã ký hai phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31/12/2018. Hai khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30/06/2014 đến ngày 31/12/2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí uỷ thác (0,15%/năm).

Ngày 29/06/2015, Công ty và PVcomBank đã ký hai phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/07/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD và số 03/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, khoản nợ gốc còn lại được trả tới 30/06/2024. Số dư nợ gốc còn lại tại ngày 31/12/2023 là 599.904.446.357 VND (tại ngày 01/01/2023 là 608.904.446.357 VND).

5.18 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2022	594.897.870.000	2.597.721.463	(889.833.251.725)	(292.337.660.262)
Lỗi trong năm trước	-	-	(115.480.165.582)	(115.480.165.582)
Số dư tại 31/12/2022	594.897.870.000	2.597.721.463	(1.005.313.417.307)	(407.817.825.844)
Số dư tại 01/01/2023	594.897.870.000	2.597.721.463	(1.005.313.417.307)	(407.817.825.844)
Lỗi trong năm nay	-	-	(24.088.838.604)	(24.088.838.604)
Số dư tại 31/12/2023	594.897.870.000	2.597.721.463	(1.029.402.255.911)	(431.906.664.448)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023			01/01/2023		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam	17.105.643	171.056.430.000	28,75%	17.105.643	171.056.430.000	28,75%
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	4.479.257	44.792.570.000	7,53%	4.479.257	44.792.570.000	7,53%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.400.000	24.000.000.000	4,03%	2.400.000	24.000.000.000	4,03%
Liên doanh Dầu khí Việt - Nga	2.161.300	21.613.000.000	3,63%	2.161.300	21.613.000.000	3,63%
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	2.400.000	24.000.000.000	4,03%	2.400.000	24.000.000.000	4,03%
Vốn góp của cổ đông khác	30.943.587	309.435.870.000	52,01%	30.943.587	309.435.870.000	52,01%
Cộng	59.489.787	594.897.870.000	100%	59.489.787	594.897.870.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	594.897.870.000	594.897.870.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	594.897.870.000	594.897.870.000

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ (USD)	651.631,69	1.066.346,45
- Euro (EUR)	85,27	85,27

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Điện lạnh Minh Tuấn Vũng Tàu	6.620.000	-
Cộng	6.620.000	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1. Doanh thu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, dịch vụ khác	210.406.086.380	89.790.287.463
Doanh thu chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi	783.139.972.774	225.026.189.504
Cộng	993.546.059.154	314.816.476.967

6.1.2. Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	255.399.077.038	4.975.509.293
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	3.093.887.310	6.985.520.798
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	2.722.198.061	1.438.008.099
Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí nước sâu PVD	390.096.000	412.857.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	112.518.367.837	116.368.816.909
Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo Dưỡng Công trình Dầu Khí biển PTSC	6.522.499.241	18.567.111.422
Cộng	380.646.125.487	148.747.824.021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, dịch vụ khác	191.084.054.380	102.552.409.894
Giá vốn chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi	738.416.272.662	254.300.847.151
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.041.063.025	-
Cộng	934.541.390.067	356.853.257.045

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.411.843.920	887.759.778
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.905.166.041	650.752.508
Cộng	10.317.009.961	1.538.512.286

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	57.925.583.404	53.961.761.780
Lỗ chênh lệch tỷ giá	52.703.986	233.148.888
Cộng	57.978.287.390	54.194.910.668

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.502.459.821	4.751.593.249
Chi phí dự phòng	19.786.937.608	10.130.578.997
Chi phí khác	3.204.671.706	6.140.003.055
Cộng	28.494.069.135	21.022.175.301

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền phạt thu được	103.726.953	-
Các khoản khác	221.189.747	638.539.807
Cộng	324.916.700	638.539.807

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

6.7 Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí tài sản phá dỡ	5.606.226.645	-
Các khoản khác	1.656.851.182	403.351.628
Cộng	7.263.077.827	403.351.628

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(24.088.838.604)	(115.480.165.582)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	57.036.945.365	53.497.627.665
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>57.036.945.365</i>	<i>53.497.627.665</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	32.948.106.761	(61.982.537.917)
chuyển lỗ những năm trước	(32.948.106.761)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(61.982.537.917)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	-	-

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(24.088.838.604)	(115.480.165.582)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	(24.088.838.604)	(115.480.165.582)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	59.489.787	59.489.787
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(405)	(1.941)
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(405)	(1.941)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	277.432.705.205	52.196.507.523
Chi phí nhân công	83.556.236.939	75.980.891.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.097.437.469	33.613.143.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	564.340.204.465	206.891.058.500
Chi phí khác bằng tiền	6.021.106.308	5.214.452.135
Chi phí dự phòng	24.828.000.633	10.130.578.997
Cộng	989.275.691.019	384.026.631.906

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1. Danh sách các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Cùng chủ đầu tư
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt	Cùng chủ đầu tư
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	Cùng tập đoàn
Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí nước sâu PVD	Cùng tập đoàn
Công ty CP Bọc ống dầu khí Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Cùng chủ đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Cùng chủ đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu Khí Biển PTSC	Cùng chủ đầu tư
Liên doanh Dầu khí Việt - Nga	Cổ đông
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cổ đông
Tập đoàn công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin	Cổ đông

7.1.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau:

Thu nhập Ban Giám đốc		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Quang Hiếu	Thành viên HĐQT, Giám đốc	374.046.000	434.400.001
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Giám đốc	359.290.870	408.912.900
Ông Ninh Văn Quyết	Phó Giám đốc	328.159.867	374.538.464
Cộng		1.061.496.737	1.217.851.365

Thù lao của Hội đồng quản trị		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Trần Hoài Nam	Chủ tịch	22.500.000	60.000.000
Ông Bùi Thanh Nam	Chủ tịch	35.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Hiếu	Thành viên HĐQT, Giám đốc	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên HĐQT	36.000.000	21.000.000
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Bảo	Thành viên HĐQT	-	15.000.000
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên HĐQT	-	15.000.000
Bà Lê Hương Giang	Thành viên HĐQT	-	15.000.000
Cộng		165.500.000	198.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Thù lao của Ban Kiểm soát		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Phạm Công Huy	Thành viên	24.000.000	14.000.000
Phạm Thường Minh	Thành viên	24.000.000	14.000.000
Ông Nguyễn Phương Anh	Thành viên	-	10.000.000
Ông Lục Dũng Minh	Thành viên	-	10.000.000
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên	-	10.000.000
Cộng		48.000.000	58.000.000

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.1.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Mua dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	1.700.956.872	1.782.278.347
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	13.655.923	614.724.383
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình	8.011.066.746	6.996.351.016
Công ty CP Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC	1.135.384.250	-
Công ty CP Dịch vụ Lắp Đặt, Vận Hành và Bảo Dưỡng Công trình Dầu Khí Biển PTSC	9.905.690.074	-
Liên doanh Dầu khí Việt - Nga	125.568.771	152.352.000
Cộng	20.892.322.636	9.545.705.746

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

7.2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ về hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính bởi vì ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

7.3. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

7.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2023, Công ty đã báo cáo số lỗ lũy kế là 1.029.402.255.911 VND (tại ngày 01/01/2023 là 1.005.313.417.307 VND), tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 829.982.694.244 VND (tại ngày 01/01/2023 là 810.052.453.218 VND) và cũng tại ngày này khoản gốc vay quá hạn thanh toán là 599.904.446.357 VND (tại ngày 01/01/2023 là 451.799.997.260 VND), lãi vay quá hạn thanh toán là 380.149.211.266 VND (tại ngày 01/01/2023 là 323.391.112.726 VND). Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ kinh doanh. Công ty tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục với việc thu hồi công nợ phải thu từ các dự án đã hoàn thành, việc thực hiện các hợp đồng kinh tế đã và sẽ được ký kết và thực hiện trong những năm tiếp theo tạo dòng tiền để có thể thanh toán các khoản công nợ. Đồng thời, công ty đang tiếp tục xin cơ cấu lại khoản nợ vay của Ngân hàng. Do đó, Báo cáo tài chính được trình bày trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

7.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Giám đốc

Nguyễn Quang Hiếu

Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Phụ trách kế toán

Trần Thị Minh

Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Huyền